

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ EA PÔ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 45/BC - UBND

Ea Pô, ngày 05 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO

**Công khai tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu - chi
Ngân sách địa phương và hoạt động tài chính khác năm 2022**

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà Nước số: 83/2015/QH13 được quốc hội khoá XIII thông qua ngày 25 tháng 06 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC, ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

UBND xã Ea Pô công khai số liệu (chi tiết tại các biểu mẫu số 116, 117, 118, 120 đính kèm) và thuyết minh tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu - chi Ngân sách địa phương và hoạt động tài chính khác năm 2022, cụ thể như sau:

I. Tổng thu NSNN trên địa bàn (không bao gồm thu bổ sung, thu kết dư, thu chuyển nguồn): 54.805.459.461đ/70.693.000.000đ, đạt 77,53% dự toán Huyện giao và HĐND xã giao.

Bao gồm:

1. Các khoản thuế, phí, lệ phí: 54.707.032.285đ/70.543.000.000 đ, đạt 77,55% dự toán
2. Biện pháp tài chính: 98.427.176 đ/150.000.000đ, đạt 65,6% dự toán

II. Tổng thu NS địa phương: 15.162.914.260đ/7.551.000.000đ, đạt: 200,8% dự toán, Bao gồm:

1. Các khoản thuế, phí, lệ phí, phạt : 3.711.891.827đ/3.075.000.000đ, đạt 120,7% dự toán.
2. Thu BS từ ngân sách cấp trên: 9.270.270.500 đ/4.476.000.000, đạt 207%/dự toán
3. Thu kết dư ngân sách năm trước: 1.159.468.446 đồng
4. Thu chuyển nguồn: 1.021.283.487 đồng.

***/ Đánh giá chung về thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:**

Trong năm 2022 với nhiều điều kiện thuận lợi, tình hình an ninh trật tự xã hội ổn định, hệ thống đường giao thông nông thôn được nâng cấp nhờ có sự đầu tư, quan tâm của Nhà nước. Song bên cạnh những thuận lợi, quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý thu ngân sách nhà nước vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, cụ thể:

- Về thu các khoản thuế phí giao xã trực tiếp quản lý: thực hiện 1.155 triệuđ/1.050 triệuđ, đạt: 110%/dự toán. Các hộ kinh doanh trên địa bàn vẫn còn gặp nhiều khó khăn do bị ảnh hưởng từ dịch Covid -19, các hộ chủ yếu là xin nghỉ và được miễn thuế. Nhưng với sự chỉ đạo quyết liệt của Cấp ủy, chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể, đặc biệt là sự nỗ lực tham mưu đắc lực, kịp thời của cán bộ thuế phụ trách địa bàn đã khai thác nhiều nguồn thu để đạt được kết quả trên.

- Về thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (không bao gồm thu bổ sung, thu kết dư, thu chuyển nguồn): 54.805.459.461đ/70.693.000.000đ, đạt 77,53% dự toán Huyện giao và HĐND xã giao. Nguyên nhân là do các khoản thu giao trên địa bàn được Cục thuế tỉnh và chi cục thuế huyện quản lý trực tiếp, vì vậy gặp rất nhiều khó khăn trong công tác chỉ đạo của lãnh đạo địa phương. Đặc biệt là khoản thu thuế GTGT, tiền thuê mặt đất, mặt nước, Thu tiền cấp quyền xây dựng khoáng sản, thuế Tài nguyên,... đạt tỷ lệ rất thấp so với dự toán nên ảnh hưởng rất lớn đến tỷ lệ đạt được của tổng thu NSNN, vì các khoản thu này dự toán giao chiếm trên 80% /tổng dự toán năm.

- Về thu ngân sách địa phương: Thực hiện 15.162.914.260đ/7.551.000.000đ, đạt: 200,8% dự toán. Nguồn thu này luôn vượt so với dự toán đầu năm là do tăng chủ yếu từ nguồn thu bổ sung ngân sách huyện nhằm thực hiện một số chế độ chính sách nhằm đảm bảo An sinh xã hội như: Hỗ trợ quà tết cho cán bộ xã, thôn buôn, cho hộ nghèo: 121.600.000đ, hỗ trợ kinh phí cho người dân bị ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 (bao gồm: lao động tự do, hộ kinh doanh, người điều trị F0, F1, hỗ trợ thêm cho trẻ em, hỗ trợ hộ sản xuất nông nghiệp, hỗ trợ người bán quà vật, buôn chuyển, kinh doanh lưu động, kinh doanh thời vụ, làm dịch vụ: 1.293.820.000đ, kinh phí chi huấn luyện dân quân và diễn tập chiến đấu phòng thủ năm 2022: 300.000.000 đồng, Tặng thưởng xã đạt Nông thôn mới: 500.000.000 đồng, hỗ trợ thực hiện chương trình MTQG: 2.169.261.000 đồng, chi phụ cấp, bồi dưỡng cho cán bộ thôn: 299 triệu đồng, hỗ trợ cho cán bộ kế toán nghỉ việc: 40.900.500đ; Hỗ trợ KP trang bị tài sản cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã : 68.000.000 đồng; Hỗ trợ KP thực hiện Kế hoạch mở đợt cao điểm “90 ngày đêm” triển khai các giải pháp tăng cường đẩy mạnh thực hiện luật cư trú năm 2020 và đề án 06/CP: 15.000.000 đồng.

- Công tác thu nợ đọng thuế hàng năm : UBND xã đã thành lập và thường xuyên kiện toàn thành viên đội chống thất thu thuế , đồng thời đã có nhiều biện pháp chỉ đạo quyết liệt, phối kết hợp với ngành thuế huyện để xử lý nghiêm các hộ còn nợ đọng. Tuy nhiên tình trạng thu nợ đọng vẫn chưa triệt để, nguyên nhân là do một số tổ chức, cá nhân còn thiếu ý thức chấp hành pháp luật thuế, có tình chây ì,...

III. Về chi ngân sách địa phương:

Tổng chi NSNN trên địa bàn xã: 14.575.612.725đ/7.551.000.000đ, đạt 193% dự toán huyện giao và HĐND xã giao.

Bao gồm:

1. Chi đầu tư phát triển: 84.000.000đ/84.000.000đ, đạt 100% dự toán giao.
2. Chi thường xuyên ngân sách: 11.179.664.487 đồng/7.467.000.000 đồng, đạt 149,72% dự toán giao. Trong đó:
 - Chi thường xuyên: 6.901.143.987 đồng
 - Chi chương trình MTQG: 832.511.000 đồng
 - Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác: 3.446.009.500 đồng
3. Chi chuyển nguồn ngân sách: 3.308.548.238 đồng
4. Chi nộp trả ngân sách cấp trên: 3.400.000 đồng

***/ Đánh giá chứng về chi ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2022:**

Trong năm 2022, các khoản chi thường xuyên được sử dụng căn cứ vào tình hình hoạt động phát sinh trên địa bàn, đảm bảo kinh phí giải quyết các yêu cầu nhiệm vụ cần thiết phục vụ nhiệm vụ của Đảng, chính quyền và các đoàn thể xã đảm bảo kinh phí giải quyết các yêu cầu cần thiết phục vụ nhiệm vụ của Đảng, chính quyền và các đoàn thể xã theo dự toán được phân bổ ngay từ đầu năm. Chi lương, phụ cấp cho cán bộ, công chức, chuyên trách, thôn buôn đúng theo quy định. Cụ thể như sau:

1. Chi đầu tư XD CB:

+ Chi thanh toán kịp thời nợ sửa chữa, cải tạo tuyến đường thôn Tân Thành, xã EaPô, tuyến 1, dài 1.020m (Từ ngã 3 nhà ông Tài đến đất nhà ông Quang) : 84.000.000 đồng.

+ Chi Nâng cấp, mở rộng khu trung trung tâm xã: 700.000.000 đồng.

2. Chi thường xuyên ngân sách: trong năm cơ bản đảm bảo nhiệm vụ chuyên môn của các ban ngành, đoàn thể xã, đảm bảo chế độ lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương cho cán bộ xã, thôn buôn theo đúng dự toán đầu năm.

Thực hiện chi kịp thời một số nhiệm vụ được bổ sung trong năm nhằm đảm bảo chế độ chính sách và chương trình mục tiêu cấp trên giao. Chi hỗ trợ quà tết cho cán bộ xã, thôn buôn, cho hộ nghèo: 121.600.000đ, hỗ trợ kinh phí cho người dân bị ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 (bao gồm: lao động tự do, hộ kinh doanh, người điều trị F0, F1, hỗ trợ thêm cho trẻ em, hỗ trợ hộ sản xuất nông nghiệp, Chi hỗ trợ người bán quà vật, buôn chuyển, kinh doanh lưu động, kinh doanh thời vụ, làm dịch vụ: 1.292.840.000đ), Chi kinh phí huấn luyện dân quân và diễn tập chiến đấu phòng thủ năm 2022: 300.000.000 đồng, Chi thực hiện chương trình MTQG: 832.511.000 đồng, chi phụ cấp, bồi dưỡng cho cán bộ thôn: 299 triệu đồng, hỗ trợ cho cán bộ kế toán nghỉ việc: 40.900.500đ; Chi KP thực hiện kế hoạch mở đợt cao điểm “90 ngày đêm” triển khai các giải pháp tăng cường đẩy mạnh thực hiện luật cư trú năm 2020 và đề án 06/CP: 15.000.000 đồng.

**/ Tuy nhiên trong năm một số nhiệm vụ chi tăng, giảm so với dự toán đầu năm cụ thể:*

- Nhiệm vụ chi vượt so với dự toán:

+ Chi hoạt động quản lý nhà nước đạt 114,74%/DT, tăng là do bổ sung kinh phí phòng, chống dịch Covid-19 trong năm; chi mua tài sản, công cụ, dụng cụ, trang thiết bị, kinh phí đi tập huấn cho Ban chỉ đạo chương trình MTQG xã, chi tiền phụ cấp, mức bồi dưỡng cho cán bộ thôn, chi hỗ trợ kinh phí nghỉ việc cho công chức cấp xã,...

+ Chi đảm bảo xã hội đạt 1.668%/DT, sự nghiệp này vượt rất nhiều so với dự toán đầu năm là tăng bổ sung KP chi hỗ trợ cho đối tượng lao động tự do, hộ kinh doanh do ảnh hưởng dịch Covid -19.

+ Chi công tác Quốc phòng đạt 185%/DT, tăng là do bổ sung KP huấn luyện dân quân theo NQ16/2020 của tỉnh, chi KP diễn tập chiến đấu phòng thủ năm 2022.

+ Chi hoạt động của Đảng ủy xã đạt 120%/DT, tăng KP là do trong năm tổ chức Đại hội các chi bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ xã nhiệm kỳ 2022-2025, chi kinh phí viết lịch sử Đảng bộ xã,...

+ Các nhiệm vụ chi hoạt động của Hội phụ nữ, hội CBB, hội Nông dân xã đều tăng và vượt so với dự toán đầu năm là do trong năm tăng KP lương, phụ cấp cho chủ tịch hội CBB xã, chủ tịch hội PN xã. Riêng hội nông dân tăng KP là do tổ chức hội thi nhà nông sản xuất kinh doanh giỏi.

- **Chi dự phòng ngân sách:** 160.000.000đ, đạt 100% dự toán, thực hiện sự chỉ đạo của cấp trên, Thực hiện nhiệm vụ cấp trên giao UBND xã đã sử dụng nguồn dự phòng ngân sách để chi tiền hỗ trợ quà tết cho cán bộ thôn, hộ nghèo là đồng bào DTTS nhân dịp tết nguyên đán năm 2022: 2.200.000đ và chi đảm bảo nhiệm vụ QPAN : 90.000.000đ, Chi đảm bảo ANTT: 67.800.000đ.

- **Chi chuyển nguồn qua ngân sách năm sau:** 3.308.548.238 đồng

Trong đó:

+ Chi thực hiện Cải cách tiền lương: 750.000.000 đồng

+ Chi thực hiện các nhiệm vụ bổ sung sau ngày 30/9/2022: 68.000.000 đồng

+ Chi thực hiện chương trình MTQG: 1.337.750.000 đồng

+ Tăng thu : 1.152.798.238 đồng

IV. Kết dư ngân sách địa phương: 587.301.535 đồng.

Trong đó:

- Nguồn huy động đóng góp nhân dân: 32.135.000 đồng

- Nguồn bổ sung có mục tiêu: 50.801.637 đồng

- Nguồn thuế, phí : 50.364.898 đồng

V- Quỹ công chuyên dùng và các hoạt động tài chính khác

a) Tổng thu các quỹ công chuyên dùng: 623.577.032 đồng

Bao gồm:

+ Quỹ người cao tuổi: 32.745.000 đồng.

- + Quỹ đền ơn đáp nghĩa: 370.000 đồng
- + Quỹ vì người nghèo: 1.220.000 đồng
- + Quỹ bảo trợ trẻ em: 21.630.000 đồng
- + Quỹ văn hóa – giáo dục – thể thao: 66.550.000 đồng
- + Lãi tiền gửi các quỹ: 4.447.812 đồng
- + Thu kết dư năm trước: 496.614.220 đồng

b) Tổng chi các quỹ công chuyên dùng: 305.555.480 đồng.

Bao gồm:

- + Quỹ người cao tuổi: 31.115.880 đồng.
- + Quỹ đền ơn đáp nghĩa: 53.195.000 đồng.
- + Quỹ vì người nghèo: 62.444.000 đồng.
- + Quỹ bảo trợ trẻ em: 23.942.600 đồng
- + Quỹ văn hóa – giáo dục – thể thao: 134.858.000 đồng

***/ Chênh lệch thu – chi các quỹ công chuyên dùng: 318.021.552 đồng.**

c) Các khoản thu hộ:

- Tổng số tiền thu hộ trong năm: (bao gồm cả thu kết dư năm trước)
95.493.000 đồng.

***/ Thu hộ trong năm 2022: 92.458.000 đồng**

Bao gồm:

- + Thu phí, lệ phí: 51.308.000 đồng.
- + Thu quỹ phòng chống thiên tai: 41.150.000 đồng

***/ Thu tồn kết dư năm 2021: 3.035.000 đồng**

- Số tiền đã chi: 94.708.000 đồng
- Số tồn kết dư: 785.000 đồng

d) Các khoản nhận chi hộ: 504.015.357 đồng

***/ Tổng số tiền nhận chi hộ trong năm 2022: 302.113.371 đồng**

Bao gồm:

- + Lập danh sách tăng giảm BHYT: 10.094.000 đồng
- + Nhận chi hộ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách: 65.562.000 đồng
- + Nhận chi hộ % thu quỹ phòng chống thiên tai: 26.328.000 đồng
- + Thu từ lãi tiền gửi khác : 129.371 đồng
- + Nhận chi hộ tiền hỗ trợ làm nhà cho hộ nghèo tại thôn Ba Tầng, xã Ea Pô:

200.000.000 đồng.

***/ Nhận chi hộ tồn năm trước: 201.901.986 đồng**

đ) Tổng số tiền đã chi hộ trong năm: 77.215.000 đồng

Bao gồm:

- + Lập danh sách tăng giảm BHYT: 10.017.000 đồng
- + Chi hộ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách: 65.562.000 đồng
- + Nhận chi hộ % thu quỹ phòng chống thiên tai: 1.636.000 đồng



Trên đây là báo cáo công khai tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu - chi Ngân sách địa phương và hoạt động tài chính khác năm 2022 của UBND xã Ea Pô.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Đảng uỷ xã (b/c);
- CT, các PCT.UBND xã;
- Các ĐB HĐND xã;
- Lưu VPUB.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đinh Công Xoan



CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
Tổng số thu	15.162.914.260	Tổng số chi	14.575.612.725
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	204.158.000	I. Chi đầu tư phát triển	784.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	3.507.733.827	II. Chi thường xuyên	10.479.664.487
III. Thu bổ sung	9.270.270.500	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	3.308.548.238
- Bổ sung cân đối	3.002.000.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	3.400.000
- Bổ sung có mục tiêu	6.268.270.500		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	1.159.468.446		
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	1.021.283.487		
Kết dư ngân sách	587.301.535		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.



UBND Xã: Ea Pô

Biểu số 117/CK TC - NSNN

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	2	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSNN	THU NSX
A	B	1			3	4	5 = 3/1		6 = 4/2
	Tổng số thu	75.169.000.000	7.551.000.000		66.259.881.894	15.162.914.260	88,15		200,81
	Thu tiền từ ngân sách cấp dưới nộp lên				3.400.000				
I	Các khoản thu 100%	2.067.000.000	560.000.000		2.802.855.033	1.226.117.472	135,6		218,95
1	Phí, lệ phí	537.000.000	60.000.000		475.557.834	158.408.000	88,56		264,01
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác								
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp								
4	Thu phát, tích thu khác theo quy định								
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định								
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định								
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân								
14	Lệ phí trước bạ nhà, đất	1.380.000.000	480.000.000		2.228.870.023	1.021.959.472	161,51		212,91
8	Thu khác	150.000.000	20.000.000		98.427.176	45.750.000	65,62		228,75
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	68.626.000.000	2.515.000.000		52.002.604.428	2.485.774.355	75,78		98,84
1	Các khoản thu phân chia								
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp								
12	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình								
13	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh								
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	68.626.000.000	2.515.000.000		52.002.604.428	2.485.774.355	75,78		98,84
	Thu tiền cấp quyền xây dựng khoáng sản	7.593.000.000			1.759.329.584		23,17		
21	Thu tiền sử dụng đất	800.000.000			5.050.932.400		631,37		
22	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	17.850.000.000			1.970.585.743		11,04		
23	Thuế tài nguyên	14.350.000.000			10.630.959.051		74,08		
24	Thuế giá trị gia tăng	19.595.000.000	1.959.500.000		12.757.711.136	1.275.771.179	65,11		65,11
25	Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.555.000.000	555.500.000		12.100.031.681	1.210.003.176	217,82		217,82
26	Thuế thu nhập cá nhân	2.878.000.000			7.727.829.833		268,51		
27	Thuế tiêu thu đặc biệt	5.000.000			5.225.000		104,5		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
		1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
A	B						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			1.021.283.487	1.021.283.487		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			1.159.468.446	1.159.468.446		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.476.000.000	4.476.000.000	9.270.270.500	9.270.270.500	207,11	207,11
1	Thu bổ sung cân đối	3.002.000.000	3.002.000.000	3.002.000.000	3.002.000.000	100	100
2	Thu bổ sung có mục tiêu	1.474.000.000	1.474.000.000	6.268.270.500	6.268.270.500	425,26	425,26



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QI/DT(%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	7.391.000.000	84.000.000	7.307.000.000	14.575.612.725	1.546.000.000	13.029.612.725	197.21	1840,48	178,32
	Trong đó:									
1	Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	34.500.000		34.500.000	14.906.500		14.906.500	43,21		43,21
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế									
4	Chi văn hóa, thông tin	27.000.000		27.000.000	25.961.600		25.961.600	96,15		96,15
5	Chi phát thanh, truyền thanh	15.000.000		15.000.000						
6	Chi thể dục, thể thao	17.000.000		17.000.000	15.895.040		15.895.040	93,5		93,5
7	Chi bảo vệ môi trường	15.000.000		15.000.000	19.000.000		19.000.000	126,67		126,67
8	Chi các hoạt động kinh tế	843.000.000	84.000.000	759.000.000	1.958.749.000	784.000.000	1.174.749.000	232,35	933,33	154,78
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	6.360.500.000		6.360.500.000	7.811.423.527		7.811.423.527	122,81		122,81
10	Chi cho công tác xã hội	79.000.000		79.000.000	1.417.728.820		1.417.728.820	1794,59		1794,59
11	Chi khác									
12	Dự phòng	160.000.000		160.000.000						
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau				3.308.548.238	762.000.000	2.546.548.238			
14	Nộp trả ngân sách cấp trên				3.400.000		3.400.000			



THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Số dư đầu kỳ	Kế hoạch năm 2022		Thực hiện năm 2022			Số dư cuối kỳ	Ghi chú
		Thu	Chi	Chênh lệch (-)	Thu	Chi	Chênh lệch (+) (-)	
Tổng số	701.551.206	118.690.000	615.304.220	- 496.614.220	521.534.183	477.478.480	- 652.687.888	745.606.909
1. Các quỹ công chuyên dùng	496.614.220	118.690.000	615.304.220	- 496.614.220	126.962.812	305.555.480	- 675.206.888	318.021.552
Quỹ đền ơn đáp nghĩa	193.629.820		193.629.820	- 193.629.820	370.000	53.195.000	- 246.454.820	140.804.820
Quỹ người cao tuổi	24.850.000	32.370.000	57.220.000	- 24.850.000	32.745.000	31.115.880	- 23.220.880	26.479.120
Quỹ vì người nghèo	168.241.400		168.241.400	- 168.241.400	1.220.000	62.444.000	- 229.465.400	107.017.400
Quỹ bảo trợ trẻ em	25.240.000	21.580.000	46.820.000	- 25.240.000	21.630.000	23.942.600	- 27.552.600	22.927.400
Quỹ Văn hóa - giáo dục - thể thao	84.653.000	64.740.000	149.393.000	- 84.653.000	66.550.000	134.858.000	- 152.961.000	16.345.000
Lãi tiền gửi các quỹ (3722.4.1037566)			-	-	4.447.812	-	4.447.812	4.447.812
2. Các hoạt động sự nghiệp	204.936.986	-	-	-	394.571.371	171.923.000	22.519.000	427.585.357
2.1. Thu hộ	3.035.000	-	-	-	92.458.000	94.708.000	- 2.250.000	785.000
- Thu phí, lệ phí				-	51.308.000	51.308.000	-	-
- Quỹ phòng chống thiên tai	3.035.000			-	41.150.000	43.400.000	- 2.250.000	785.000
2.2. Chi hộ	201.901.986	-	-	-	302.113.371	77.215.000	24.769.000	426.800.357
- Tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách				-	65.562.000	65.562.000	-	9.469.000
- Nhận chi hộ tiền bàn giao lưới điện hạ áp	191.403.986			-	-	-	-	191.403.986
- Lập danh sách tăng giảm BHYT	1.029.000			-	10.094.000	10.017.000	77.000	1.106.000
- Nhận chi hộ % thu quỹ phòng chống bão lụt				-	26.328.000	1.636.000	24.692.000	24.692.000
- Nhận chi hộ tiền hỗ trợ làm nhà cho hộ nghèo tại thôn Ba Tầng, xã Ea Pô					200.000.000	-		Tồn tại tiền gửi ngân hàng Agribank ND
- Lãi tiền gửi khác (3723.4.1037566)				-	129.371	-	-	129.371

